TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

KHOA KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH KIỂM TOÁN

Hà Nội, 2021

MỤC LỤC

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 3
2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH 3
2.1. Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội 3
2.2. Tầm nhìn - Sứ mạng – Chiến lược phát triển của Khoa Kế toán-Kiểm toán 4
2.3. Mục tiêu của chương trình 5
3. CHUẨN ĐẦU RA 6
4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM 8
5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP 9
5.1. Thông tin tuyển sinh 9
5.2. Quy trình đào tạo 9
5.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp 9
6. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY 9
7. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP 10
7.1. Chuẩn bị của giảng viên 11
7.2. Các phương pháp/chiến lược dạy học 11
7.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học 12
8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ 13
8.1. Quy trình đánh giá 13
8.2. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá 13
8.3. Rubric đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình 13
9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH 13
9.1 Khối lượng kiến thức toàn khóa 14
9.2 Nội dung chương trình 14
9.3 Ma trận các kỹ năng 19
9.4 Sơ đồ tiến trình đào tạo 22
22
9.5. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng học phần 23
10. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 23
11. PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 42
PHỤ LỤC: TÀI LIỆU THAM KHẢO XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH 43

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình (tiếng Việt):	**Cử nhân Kiểm toán**
Tên chương trình (tiếng Anh):	**Auditing**
Mã ngành đào tạo:	**7340302**
Đơn vị cấp bằng cấp bằng:	**Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội**
Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:	**Cử nhân Kiểm toán**
Trình độ đào tạo:	**Đại học**
Thời gian đào tạo:	**04 năm**
Đơn vị giảng dạy:	**Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội**
Khoa quản lý CTĐT:	**Kế toán – Kiểm toán**

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

Mục tiêu của chương trình đào tạo được xây dựng phù hợp với Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội; tương thích, phù hợp với Tầm nhìn - Sứ mạng của Khoa Kế toán-Kiểm toán nhằm bồi dưỡng con người và phát triển nghiên cứu khoa học mang tính ứng dụng đáp ứng các nhu cầu xã hội.

2.1. Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội

Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội là trường đại học công lập trực thuộc Bộ Công Thương, có truyền thống đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ kinh tế, công nhân kỹ thuật lâu đời nhất Việt Nam (tiền thân là Trường Chuyên nghiệp Hà Nội thành lập năm 1898 và Trường Chuyên nghiệp Hải Phòng thành lập năm 1913) và là cơ sở đào tạo định hướng ứng dụng nhiều ngành, nhiều loại hình, nhiều cấp trình độ.

2.1.1. Tầm nhìn

Trở thành đại học đào tạo, nghiên cứu khoa học ứng dụng đa năng, phát triển theo mô hình đại học thông minh; đạt chuẩn quốc tế trong một số lĩnh vực then chốt; là sự lựa chọn hàng đầu của người học, cộng đồng và doanh nghiệp.

2.1.2. Sứ mạng

Đào tạo nhân lực chất lượng cao; sáng tạo và chuyển giao tri thức, công nghệ tới xã hội và cộng đồng đáp ứng yêu cầu thời kỳ cách mạng công nghiệp, phục vụ xã hội và đất nước.

2.1.3. Giá trị cốt lõi

1. Kỹ nghệ là nền tảng: Kết hợp truyền thống của trường kỹ nghệ đầu tiên tại Việt Nam và kỹ thuật, công nghệ hiện đại là nền tảng xây dựng và phát triển.

2. Kiên định với mục tiêu: Kiên định trong xác định và triển khai thực hiện các hoạt động nhằm đạt mục tiêu.

3. Kết nối tạo sức mạnh: Đoàn kết nội bộ, gắn kết đối tác tạo nên sức mạnh của nhà trường.

4. Khách hàng là trung tâm: Hướng thị trường, đặt lợi ích và sự hài lòng của người học, khách hàng và các bên quan tâm là trung tâm các hoạt động.

5. Khác biệt từ sáng tạo: Tạo ra sự khác biệt để đột phá nhờ sự sáng tạo.

2.1.4. Mục tiêu chiến lược

Mục tiêu chung

Trở thành đại học khoa học ứng dụng hàng đầu Việt Nam, theo mô hình tự chủ toàn diện, đi đầu trong xu thế chuyển đổi số và quản trị thông minh;

Sản phẩm giáo dục đào tạo nằm trong top đầu Việt Nam về khả năng đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, được ghi nhận về năng lực sáng tạo và khởi nghiệp;

Sản phẩm khoa học công nghệ được công nhận và ứng dụng rộng rãi trong nước, một số lĩnh vực đạt tầm khu vực và quốc tế.

TRIẾT LÝ GIÁO DỤC

Giáo dục toàn diện, vì sự phát triển bền vững và hội nhập.

2.2. Tầm nhìn - Sứ mạng – Chiến lược phát triển của Khoa Kế toán-Kiểm toán

2.2.1. Tầm nhìn

Trở thành một trung tâm nghiên cứu và đào tạo nguồn nhân lực hàng đầu trong lĩnh vực Kế toán, kiểm toán, Phân tích kinh doanh của Việt Nam, ngang tầm với các trường Đại học uy tín trong nước theo định hướng ứng dụng.

2.2.2. Sứ mạng

Cung cấp nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, đầy đủ kỹ năng nghề nghiệp để thực hiện được công tác nghiệp vụ, quản lý kinh doanh, tư vấn, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, phân tích kinh doanh

2.2.3. Chiến lược phát triển

- Dạy và học theo phương pháp tích cực;

- Phát triển chương trình đào tạo tiếp cận theo tiêu chuẩn quốc gia, tiến tới theo chuẩn quốc tế theo hướng nghề nghiệp

- Đánh giá và phát triển các hoạt động đào tạo tiếp cận theo tiêu chuẩn quốc gia, tiến tới theo chuẩn quốc tế;

- Chuẩn hóa giáo trình giảng dạy;

- Không ngừng nâng cao năng lực giảng viên và cán bộ quản lý;

- Xây dựng môi trường học tập, giảng dạy và NCKH tốt cho giảng viên và sinh viên;

- Đẩy mạnh hoạt động NCKH theo hướng ứng dụng thực tiễn sản xuất;

- Gắn kết hoạt động đào tạo với thực tế sản xuất tại doanh nghiệp;

- Đẩy mạnh tham gia các tổ chức nghề nghiệp trong nước như VACPA và tổ chức nghề nghiệp Quốc tế như ACCA, ICAEW và các doanh nghiệp Công nghệ;

- Tăng cường ứng dụng CNTT trong hoạt động giảng dạy, tăng tỷ lệ học phần tổ chức dạy kết hợp, giảng trực tuyến.

Triết lý giáo dục: "Giáo dục toàn diện, vì sự phát triển bền vững và hội nhập"

2.3. Mục tiêu của chương trình

Chương trình đào tạo ngành Kiểm toán được thiết kế với mục tiêu đào tạo như sau:

2.3.1. Mục tiêu chung

- Đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu xã hội, bồi dưỡng nhân tài; Có năng lực chuyên môn, khả năng ứng dụng theo hướng nghề nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế;

- Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; Có kiến thức cơ sở ngành và ngành vững vàng, có năng lực thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu, có khả năng tổng hợp, phân tích để giải quyết những vấn đề liên quan đến kiểm toán, trong doanh nghiệp/tổ chức; Cung cấp dịch vụ kiểm toán và dịch vụ đảm bảo, đồng thời có thể cung cấp các dịch vụ liên quan đến kế toán, tài chính, thuế; Có trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc, có khả năng tự học để thích ứng với sự phát triển không ngừng của khoa học công nghệ và môi trường kinh doanh cho mục tiêu học tập suốt đời.

2.3.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và phẩm chất/thái độ:

PEO 1: Có hiểu biết về chính trị, xã hội; Có các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học kinh tế phù hợp với ngành được đào tạo để đóng góp hữu hiệu vào sự phát triển bền vững của xã hội, cộng đồng;

PEO 2: Có kiến thức về toán thống kê là cơ sở nền tảng cho việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập ở trình độ cao hơn;

PEO 3: Có hiểu biết về kiến thức cơ sở ngành Kiểm toán (như kinh tế học, thống kê, tài chính, pháp luật kinh doanh...), tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập các môn chuyên ngành, nghiên cứu chuyên sâu, tiếp cận dễ dàng với các thay đổi của mô hình quản lý và môi trưởng kinh doanh;

PEO 4: Có kiến thức ngành chuyên sâu đáp ứng được nhu cầu của xã hội về lĩnh vực kiểm toán. kế toán, tài chính, thuế; Tổ chức, thực hiện công tác kiểm toán của các doanh

nghiệp, trong các đơn vị công; Có khả năng lập kế hoạch, thực hiện kế hoạch kiểm toán toán; Có năng lực tư vấn về các lĩnh vực hệ thống kiểm toán, kế toán, tài chính, quyết toán thuế, tư vấn và quản lý hiệu quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp.

PEO 5: Có kỹ năng nghề nghiệp, giao tiếp, làm việc nhóm đủ để làm việc trong môi trường kinh doanh năng động, có khả năng thích ứng với sự thay đổi của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập quốc tế; Có kỹ năng đổi mới sáng tạo và tư duy khởi nghiệp; Có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc; Có ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp.

PEO 6: Có năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành trong bối cảnh cạnh tranh và hội nhập quốc tế.

3. CHUẨN ĐẦU RA

Sinh viên tốt nghiệp ngành Kiểm toán đạt được những chuẩn đầu ra sau:

SO1 - Có khả năng giải quyết được các bài toán cơ bản liên quan đến mô hình toán, xác suất thống kê và kinh tế lượng, dự báo và phân tích ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực kiểm toán – kế toán, Kinh tế - Tài chính.

SO2 - Có khả năng thảo luận được các vấn đề về lý luận chính trị, khoa học kinh tế - xã hội; Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh ở trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc.

SO3 - Có khả năng vận dụng được các kiến thức cơ bản thuộc khối ngành kinh doanh và quản lý như kinh tế học, tài chính, pháp luật kinh doanh, quản trị doanh nghiệp.

SO4 - Có khả năng lập luận và giải quyết được các vấn đề khi vận dụng luật, chuẩn mực (Việt Nam và quốc tế) trong xử lý tình huống thực tế lĩnh vực kiểm toán, kế toán, thuế, phân tích báo cáo tài chính.

SO5 - Có năng lực nhận diện, đánh giá và tư vấn cho nhà quản lý về hệ thống thông tin kiểm toán và kiểm soát nội bộ, các rủi ro trong hoạt động kế toán, tài chính, thuế và quản trị trong doanh nghiệp.

SO6 - Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong quá trình thực hiện công việc như: kỹ năng thuyết trình, phản biện, kỹ năng làm việc theo nhóm và giải quyết mối quan hệ trong nhóm để thực hiện được các mục tiêu đã đề ra.

SO7 - Có kỹ năng công nghệ thông tin trong việc phân tích và trình bày dữ liệu; Có kỹ năng thích ứng trong môi trường hội nhập quốc tế; Có kỹ năng đổi mới sáng tạo và tư duy khởi nghiệp.

SO8 - Có khả năng hình thành và thực hiện được đức tính cá nhân, nghề nghiệp như: kiên trì, linh hoạt trong công việc, chấp nhận đương đầu rủi ro; giải quyết vấn đề một cách sáng tạo; tự đánh giá và có ý thức tự học tập, rèn luyện suốt đời; Tiếp thu và cập nhật những cái mới liên quan đến nghề nghiệp.

SO9 - Chấp hành nghiêm túc pháp luật của Nhà nước; Nhận thức và thực hiện trách nhiệm đạo đức và nghề nghiệp.

SO10 - Có năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành hệ thống kiểm toán, kế toán của doanh nghiệp trong bối cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập quốc tế.

Bảng 1. Ma trận tích hợp mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình

Mã SO	Nội dung chuẩn đầu ra	Mục tiêu đào tạo					
		PEO 1	PEO 2	PEO 3	PEO 4	PEO 5	PEO 6
SO 1	Có khả năng giải quyết được các bài toán cơ bản liên quan đến mô hình toán, xác suất thống kê và kinh tế lượng, dự báo và phân tích ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực kiểm toán – kế toán, Kinh tế - Tài chính.		☒			☒	
SO 2	Có khả năng thảo luận được các vấn đề về lý luận chính trị, khoa học kinh tế - xã hội; Khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh ở trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc.	☒				☒	
SO 3	Có khả năng vận dụng được các kiến thức cơ bản thuộc khối ngành kinh doanh và quản lý như kinh tế học, tài chính, pháp luật kinh doanh, quản trị doanh nghiệp.			☒	☒		
SO 4	Có khả năng lập luận và giải quyết được các vấn đề khi vận dụng luật, chuẩn mực (Việt Nam và quốc tế) trong xử lý tình huống thực tế lĩnh vực kiểm toán, kế toán, thuế, phân tích báo cáo tài chính.				☒	☒	
SO 5	Có năng lực nhận diện, đánh giá và tư vấn cho nhà quản lý về hệ thống thông tin kiểm toán và kiểm soát nội bộ, các rủi ro trong hoạt động kế toán, tài chính, thuế và quản trị trong doanh nghiệp.				☒	☒	
SO 6	Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong quá trình thực hiện công việc như: kỹ năng thuyết trình, phản biện, kỹ năng làm việc theo nhóm và giải quyết mối quan hệ trong nhóm để thực hiện được các mục tiêu đã đề ra.				☒	☒	

Mã SO	Nội dung chuẩn đầu ra	Mục tiêu đào tạo					
		PEO 1	PEO 2	PEO 3	PEO 4	PEO 5	PEO 6
SO 7	Có kỹ năng công nghệ thông tin trong việc phân tích và trình bày dữ liệu; Có kỹ năng thích ứng trong môi trường hội nhập quốc tế; Có kỹ năng đổi mới sáng tạo và tư duy khởi nghiệp.		☒			☒	
SO 8	Có khả năng hình thành và thực hiện được đức tính cá nhân, nghề nghiệp như: kiên trì, linh hoạt trong công việc, chấp nhận đương đầu rủi ro; giải quyết vấn đề một cách sáng tạo; tự đánh giá và có ý thức tự học tập, rèn luyện suốt đời; Tiếp thu và cập nhật những cái mới liên quan đến nghề nghiệp.				☒	☒	
SO 9	Chấp hành nghiêm túc pháp luật của Nhà nước; Nhận thức và thực hiện trách nhiệm đạo đức và nghề nghiệp.	☒			☒	☒	
SO 10	Có năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành hệ thống kiểm toán, kế toán của doanh nghiệp trong bối cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập quốc tế.	☒	☒		☒	☒	☒

Chuẩn đầu ra đóng vai trò quan trọng cho việc phát triển và đánh giá chương trình đào tạo. Các chỉ báo đánh giá của từng chuẩn đầu ra được dùng làm tham chiếu để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình.

4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo, người học có thể làm việc tốt tại các vị trí sau:

- Trợ lý kiểm toán viên tại các công ty kiểm toán độc lập, cơ quan kiểm toán nhà nước.

- Chuyên viên bộ phận kiểm toán nội bộ của các tập đoàn, tổng công ty, ngân hàng thương mại; các tổ đơn vị hành chính công

- Kế toán trong các doanh nghiệp;

- Chuyên viên tại công ty hành nghề dịch vụ kế toán, kiểm toán;

- Chuyên viên phụ trách công tác tài chính trong các đơn vị;

- Nghiên cứu viên trong các viện nghiên cứu, Giảng viên giảng dạy trong các cơ sở đào tạo khối ngành kinh doanh - quản lý, ngành, kế toán- kiểm toán

5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1. Thông tin tuyển sinh

- Quy chế tuyển sinh: Theo quy chế tuyển sinh đại học chính quy của Bộ GD&ĐT, cập nhật tại ***http://tuyensinh.haui.edu.vn***.

- Vùng tuyển sinh: tuyển sinh trong cả nước.

- Đối tượng tuyển sinh: Tất cả thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

- Phương thức tuyển sinh:

Tổ hợp xét tuyển:

+ Khối A00 (Toán, Lý, Hóa)

+ Khối D07 (Toán, Hóa, Anh)

+ Khối D01 (Toán, Văn, Anh)

5.2. Quy trình đào tạo

- Quy chế đào tạo sử dụng là quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ, tạo điều kiện để sinh viên tích cực, chủ động thích ứng với quy trình đào tạo để đạt được những kết quả tốt nhất trong học tập, rèn luyện.

- Chương trình đào tạo được thiết kế 8 học kỳ tương ứng với 4 năm học, gồm 149,5 tín chỉ. Trong đó thời gian học tập chính thức 4 năm và thời gian học tập tối đa 6 năm.

- Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ chính khoảng 15 tuần học, 2 tuần thi, 1 tuần dự trữ và 1-2 học kỳ phụ khoảng 10 tuần.

5.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

Những sinh viên có đủ điều kiện sau thì được xét tốt nghiệp:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo;

- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên;

- Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng an ninh và giáo dục thể chất;

- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ;

- Đạt chuẩn đầu ra về công nghệ thông tin;

Sinh viên đủ điều kiện xét tốt nghiệp được Khoa tổng hợp và gửi đề xuất về Phòng Đào tạo, để trình Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp.

6. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY

Khoa Kế toán-kiểm toán bao gồm 04 bộ môn: Bộ môn Kiểm toán; Bộ môn Kế toán doanh nghiệp; Bộ môn Kế toán công và Bộ môn Hệ thống thông tin kế toán.

Khoa Kế toán-kiểm toán hiện tại đang quản lý 09 phòng thí nghiệm chuyên ngành phục vụ cho học tập và nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên. Các phòng thí nghiệm và thiết bị được phân công quản lý bởi các Bộ môn Kiểm toán; Bộ môn Kế toán doanh nghiệp; Bộ môn Kế toán công và Bộ môn Hệ thống thông tin kế toán.

Bảng 3. Thống kê phòng thí nghiệm chuyên ngành

TT	Tên phòng thí nghiệm	Vị trí
1	Phòng thực hành Kiểm toán, Kế toán 1	205/B3
2	Phòng thực hành Kiểm toán, Kế toán 2	206/B3
3	Phòng thực hành Kiểm toán, Kế toán 3	207/B3
4	Phòng thực hành Kiểm toán, Kế toán 4	305/B3
5	Phòng thực hành Kiểm toán, Kế toán 5	306/B3
6	Phòng thực hành Kiểm toán, Kế toán 6	307/B3
7	Phòng Hội thảo	Tầng 3 trung tâm thông tin thư viện khu B
8	Phòng sinh hoạt chuyên môn, học thuật	105/B3
9	Phòng thực hành Kiểm toán, Kế toán 7	Phòng 201/Hội trường

Các phòng thí nghiệm chuyên ngành được đầu tư các thiết bị và mô hình hiện đại, gắn với thực tế ngoài doanh nghiệp, đáp ứng nhu cầu đào tạo ngành Kiểm toán.

7. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Chiến lược giảng dạy và học tập của Kế toán-kiểm toán tiếp cận dựa trên chuẩn đầu ra, ở cấp độ chương trình, từ chuẩn đầu ra mong đợi của chương trình đào tạo, thiết kế chuẩn đầu ra cấp độ CTĐT, thiết kế chuẩn đầu ra cấp độ học phần. Dựa trên chuẩn đầu ra này xây dựng kế hoạch giảng dạy, tiến trình giảng dạy: đề cương môn học, phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập và các công cụ đánh giá. Sau khi kết thúc học phần tiến hành đánh giá môn học và tiến đến đánh giá chương trình để tiến hành cải tiến chuẩn đầu ra chương trình.

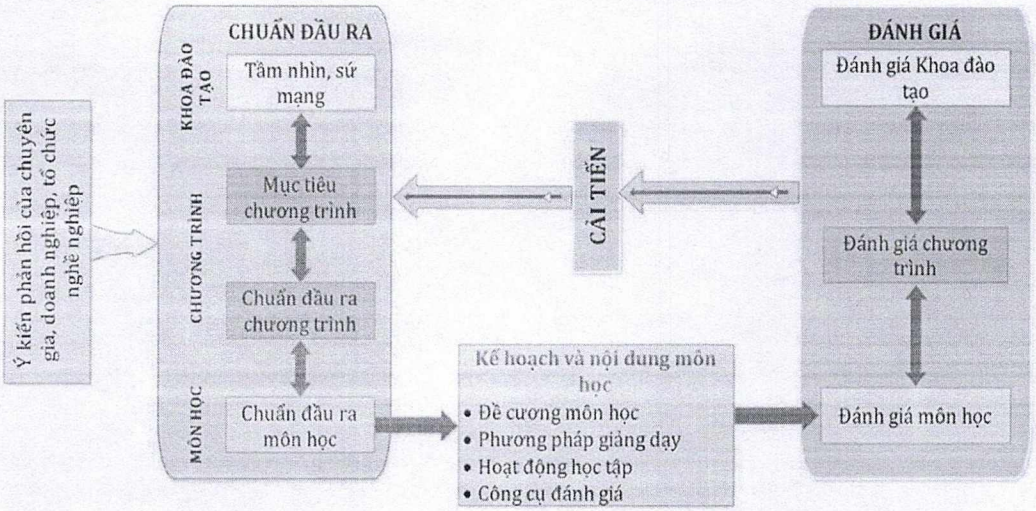

Hình 1. Mô tả tiếp cận giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra của Khoa Kế toán - Kiểm toán

7.1. Chuẩn bị của giảng viên

Giảng viên giảng dạy chương trình ngành kiểm toán cần trang bị những kinh nghiệm dạy học khác nhau:

- Nắm rõ thông tin lớp học mà mình đang giảng dạy (lớp học có lý thuyết hay thực hành; môn học bắt buộc, môn học tự chọn hay môn học thay thế tốt nghiệp);

- Nắm rõ kiểu dạy học (dạy học liên môn, dạy học trực tuyến hay dạy học tích hợp);

- Hiểu rõ sinh viên của mình (sinh viên năm nhất, năm hai, năm ba hay năm cuối đại học);

- Hiểu rõ về chính sách trong học tập;

7.2. Các phương pháp/chiến lược dạy học

- Phương pháp thích nghi với người học, đặt trọng tâm ở người học;

- Thay đổi cách thức hoạt động dạy và học của GV và SV: Người học cần nghĩ nhiều hơn, làm nhiều hơn, thảo luận nhiều hơn, với trạng thái thoải mái, hứng thú hơn, trong mối quan hệ thân thiện dân chủ để thực hiện tốt mục tiêu đào tạo;

- Các phương pháp được sử dụng chủ yếu: giảng dạy trực tiếp, giảng dạy gián tiếp, học tập trải nghiệm, giảng dạy tương tác, và học tập độc lập.

- Danh sách chiến lược giảng dạy và phương pháp giảng dạy sử dụng trong chương trình đào tạo được mô tả như bảng 4.

Bảng 4. Chiến lược và phát triển giảng dạy

Chiến lược giảng dạy	Mô tả	Phương pháp giảng dạy
Giảng dạy trực tiếp	Đa số các học phần lý thuyết được dạy theo phương pháp thuyết trình, thuyết giảng, vấn đáp, đặt câu hỏi gợi ý, giao bài tập về nhà, kiểm tra khả năng tự học của sinh viên thông qua bài tập, thảo luận nhóm, seminar	Thuyết giảng; Bài học; Câu hỏi gợi ý, chẩn đoán Trình diễn mẫu, Luyện tập và thực hành
Giảng dạy gián tiếp	Một số học phần giảng dạy gián tiếp không có sự can thiệp rõ ràng của giảng viên như thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp	Yêu cầu; Giải quyết vấn đề; Nghiên cứu tình huống; Xây dựng ý tưởng
Học tập trải nghiệm	Các môn học cơ bản, cơ sở ngành và chuyên ngành có thực hành và thí nghiệm trong phòng thí nghiệm	Mô phỏng; Thực tế Thí nghiệm
Giảng dạy tương tác	Được thực hiện hầu hết trong các môn học của chương trình đào tạo. Sinh viên thảo luận nhóm, thuyết trình, thực tế tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp	Tranh luận; Thảo luận; Giải quyết vấn đề; Động não
Học tập độc lập	Hoạt động thực tế tốt nghiệp, hoạt động tự học, khóa luận tốt nghiệp	Kế hoạch cá nhân; Kế hoạch nghiên cứu

7.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

- Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ 2 năm/1 lần theo hướng điều chỉnh đáp ứng được nhu cầu của người học và các bên có liên quan;

- Có nhiều hình thức hỗ trợ sinh viên trong nhiệm vụ rèn luyện đạo đức, tác phong và kỹ năng;

- Hàng kỳ các Bộ môn xây dựng kế hoạch dự giờ của GV đặc biệt là GV trẻ để trao đổi chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy nâng cao năng lực GV;

- Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về phẩm chất, tài năng, đạo đức và tác phong của GV;

- Thường xuyên lấy ý kiến của các bên liên quan về nhu cầu sử dụng người học sau khi tốt nghiệp.

8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

8.1. Quy trình đánh giá

Phương pháp đánh giá sinh viên dựa trên chuẩn đầu ra cấp học phần cơ sở và các học phần chuyên ngành, chuẩn đầu ra cấp học phần phản ánh mức độ đạt được của chuẩn đầu ra cấp CTĐT ngành Kiểm toán. Việc đánh giá này phải đảm bảo tính giá trị, tin tưởng và công bằng. Đánh giá sinh viên bao gồm thi đầu vào, khảo sát sinh viên về môn học giữa kỳ và đánh giá tổng thể cuối kỳ. Các phương pháp đánh giá bao gồm: trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn, bài kiểm tra ngắn, báo cáo thực tế tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp, kiểm tra thực hành, phân tích tình huống. Chuẩn đánh giá có thể dựa vào các rubrics môn học. Việc cho điểm, phản hồi của giảng viên, sinh viên được thực hiện theo quy trình (Hình 2).

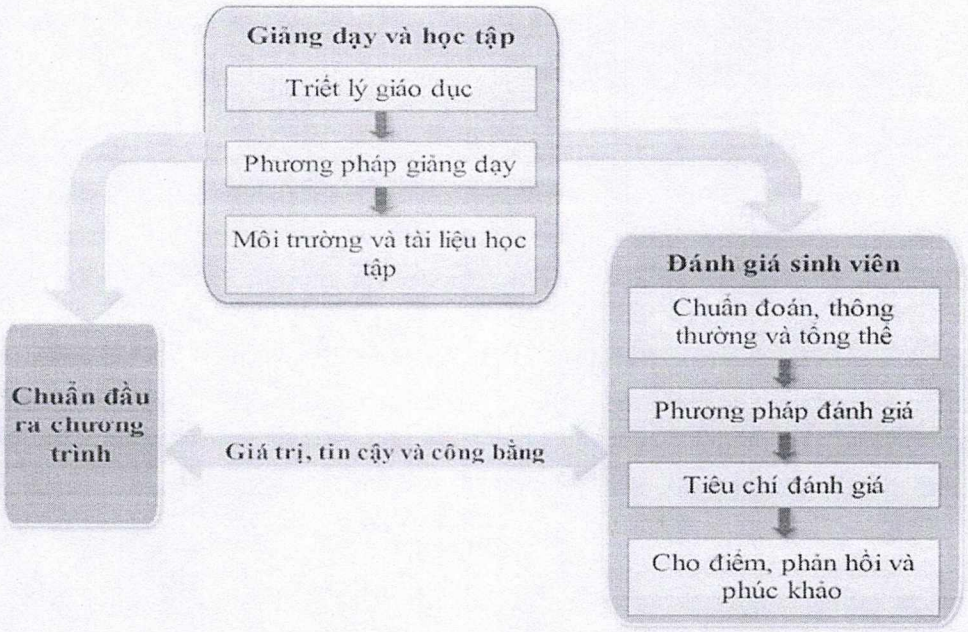

Hình 2. Quy trình giảng dạy học tập và đánh giá sinh viên

8.2. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá

Quy định cụ thể trong Đề cương chi tiết học phần

8.3. Rubric đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình

Hướng dẫn cụ thể trong Đề cương chi tiết học phần

9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Cấu trúc chương trình đảm bảo sự sắp xếp hợp lý, cân bằng ở từng học kỳ của năm học và từng khối kiến thức. Chương trình bố trí các môn học từ cơ bản đến nâng cao nhằm đảm bảo kiến thức được liên tục, mức độ tăng dần và đủ thời gian tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng, đạo đức, thái độ cần thiết để làm việc. Đồng thời chương trình cũng được thiết kế bảo đảm tính chuyên sâu cho từng lĩnh vực chuyên ngành và có khả năng mở rộng cho nhiều chuyên ngành khác nhau.

Nội dung chương trình bao gồm các khối kiến thức cơ bản, cơ sở, chuyên ngành tốt nghiệp có mức độ tăng dần được giảng dạy trong các môn học, đồng thời giúp người học nâng cao thêm các kỹ năng mềm, kỹ năng tin học, ngoại ngữ, … rèn luyện được tác phong, kỷ luật, an toàn lao động khi làm việc. Chương trình cũng đảm bảo tính linh hoạt giúp người học có thể chuyển đổi sang các ngành học khác ở năm thứ nhất, năm thứ hai hoặc học cùng lúc nhiều chương trình.

9.1 Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng số tín chỉ phải tích lũy **149,5 tín chỉ**

Khối lượng học tập	Tổng số	Số tín chỉ			Tỷ lệ (%)
		LT	TH/ TN	TL/BTL/ĐA/TT	
Kiến thức Giáo dục đại cương	46,5	40	6,5	0	31,1%
Kiến thức Cơ sở ngành	48	42	4	2	32,1%
Kiến thức Chuyên ngành	40	35	5	0	26,8%
Kiến thức tốt nghiệp	15	0	0	15	10,0%
Tổng cộng	**149,5**	**117**	**15,5**	**17**	100.0%

9.2 Nội dung chương trình

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng	Số tín chỉ thành phần		
				LT	TH/ TN	TL/ BTL/ ĐA/ TT
I		**KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG**	**46,5**	**40**	**6,5**	**0**
I.1		**Kiến thức ngoài khung**				
I.2		**Lý luận chính trị**	**11**	**11**	**0**	**0**
1	LP6010	Triết học Mác-Lênin	3	3	0	0
2	LP6011	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2	0	0
3	LP6012	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	0
4	LP6013	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	0
5	LP6004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	0
I.3		**Khoa học xã hội và nhân văn**	**14**	**14**	**0**	**0**
		Kiến thức bắt buộc	**4**	**4**	**0**	**0**
1	AA6031	Nhập môn Kế toán, Kiểm toán	2	2	0	0
2	LP6003	Pháp luật đại cương	2	2	0	0
	TcNN	***Tự chọn ngoại ngữ***	**10**	**10**	**0**	**0**
1	FL6345	Tiếng Anh Thương mại 1	5	5	0	0
2	FL6335	Tiếng Hàn 1	5	5	0	0
3	FL6337	Tiếng Nhật 1	5	5	0	0
4	FL6339	Tiếng Trung 1	5	5	0	0

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng	Số tín chỉ thành phần		
				LT	TH/ TN	TL/ BTL/ ĐA/ TT
5	FL6346	Tiếng Anh Thương mại 2	5	5	0	0
6	FL6336	Tiếng Hàn 2	5	5	0	0
7	FL6338	Tiếng Nhật 2	5	5	0	0
8	FL6340	Tiếng Trung 2	5	5	0	0
I.4		**Khoa học tự nhiên - Toán học - Tin học**	**9**	**9**		
I.4.1		**Kiến thức bắt buộc**	**6**	**6**	**0**	**0**
1	BS6010	Giải tích.	2	2	0	0
2	BS6009	Đại số tuyến tính.	2	2	0	0
3	BS6012	Lý thuyết xác suất	2	2	0	0
I.4.2	***TcKT1***	***Kiến thức tự chọn (Chọn tối thiểu 3 tín chỉ)***	***3***	***3***	***0***	***0***
1	*BS6013*	*Mô hình toán*	*3*	*3*	*0*	*0*
2	*BS6011*	*Kinh tế lượng*	*3*	*3*	*0*	*0*
I.5	**TcGDTC**	**Giáo dục thể chất (Chọn tối thiểu 4 tín chỉ)**	**4**	**0**	**4**	**0**
1	PE6001	Aerobic 1	*1*	*0*	*1*	*0*
2	PE6005	Bơi 1	*1*	*0*	*1*	*0*
3	PE6017	Bóng bàn 1	*1*	*0*	*1*	*0*
4	PE6003	Bóng chuyền 1	*1*	*0*	*1*	*0*
5	PE6027	Bóng đá 1	*1*	*0*	*1*	*0*
6	PE6033	Bóng ném 1	*1*	*0*	*1*	*0*
7	PE6021	Bóng rổ 1	*1*	*0*	*1*	*0*
8	PE6025	Cầu lông 1	*1*	*0*	*1*	*0*
9	PE6031	Cầu mây 1	*1*	*0*	*1*	*0*
10	PE6029	Đá cầu 1	*1*	*0*	*1*	*0*
11	PE6035	Futsal 1	*1*	*0*	*1*	*0*
12	PE6011	Karate 1	*1*	*0*	*1*	*0*
13	PE6013	Khiêu vũ 1	*1*	*0*	*1*	*0*
14	PE6015	Pencak Silat 1	*1*	*0*	*1*	*0*
15	PE6019	Tennis 1	*1*	*0*	*1*	*0*
16	PE6002	Aerobic 2	*1*	*0*	*1*	*0*
17	PE6006	Bơi 2	*1*	*0*	*1*	*0*
18	PE6018	Bóng bàn 2	*1*	*0*	*1*	*0*
19	PE6004	Bóng chuyền 2	*1*	*0*	*1*	*0*
20	PE6028	Bóng đá 2	*1*	*0*	*1*	*0*
21	PE6034	Bóng ném 2	*1*	*0*	*1*	*0*
22	PE6022	Bóng rổ 2	*1*	*0*	*1*	*0*
23	PE6026	Cầu lông 2	*1*	*0*	*1*	*0*
24	PE6032	Cầu mây 2	*1*	*0*	*1*	*0*

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng	Số tín chỉ thành phần		
				LT	TH/ TN	TL/ BTL/ ĐA/ TT
25	PE6030	Đá cầu 2	*1*	*0*	*1*	*0*
26	PE6036	Futsal 2	*1*	*0*	*1*	*0*
27	PE6012	Karate 2	*1*	*0*	*1*	*0*
28	PE6014	Khiêu vũ 2	*1*	*0*	*1*	*0*
29	PE6016	Pencak Silat 2	*1*	*0*	*1*	*0*
30	PE6020	Tennis 2	*1*	*0*	*1*	*0*
I.6		**Giáo dục quốc phòng - an ninh**	**8.5**	**6**	**2.5**	**0**
1	DC6005	Công tác quốc phòng và an ninh	2	2	0	0
2	DC6004	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3	0	0
3	DC6007	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	0	2	0
4	DC6006	Quân sự chung	1.5	1	0.5	0
II		**KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP**	**103**	**77**	**9**	**17**
II.1		**Kiến thức cơ sở**	**48**	**42**	**4**	**2**
II.1.1		**Kiến thức cơ sở khối ngành**	**27**	**27**	**0**	**0**
		Kiến thức bắt buộc	**21**	**21**	**0**	**0**
1	BM6046	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	3	0	0
2	BM6021	Kinh tế học vi mô	3	3	0	0
3	BM6022	Kinh tế học vĩ mô	3	3	0	0
4	AA6030	Nguyên lý kế toán	3	3	0	0
5	BM6036	Lý thuyết thống kê	3	3	0	0
6	LP6008	Luật kinh tế	3	3	0	0
7	AA6028	Lý thuyết kiểm toán	3	3	0	0
II.1.2	TcKT2	***Kiến thức tự chọn (Chọn tối thiểu 6 tín chỉ)***	**6**	**6**	**0**	**0**
	TcKT21	***Kiến thức tự chọn (Chọn tối thiểu 3 tín chỉ)***	***3***	***3***	***0***	***0***
1	AA6021	Kế toán trong kinh doanh (F1-Accountant in Business, ACCA)	3	3	*0*	0
2	BM6035	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	3	*0*	0
3	BM6037	Marketing căn bản	3	3	*0*	0
	TcKT22	***Kiến thức tự chọn (Chọn tối thiểu 3 tín chỉ)***	***3***	***3***	***0***	***0***
1	AA6049	*Dự báo và phân tích dữ liệu kinh doanh*	*3*	*1*	*1*	*1*
2	*BM6075*	*Thị trường chứng khoán.*	*3*	*3*	*0*	*0*
3	*BM6066*	*Tài chính công*	*3*	*3*	*0*	*0*
II.1.2		**Kiến thức cơ sở ngành**	**21**	**15**	**4**	**2**
II.1.2.1		**Kiến thức bắt buộc**	**16**	**10**	**4**	**2**

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng	Số tín chỉ thành phần		
				LT	TH/ TN	TL/ BTL/ ĐA/ TT
1	AA6050	Phân tích và trình bày dữ liệu trong kinh doanh	3	2	1	0
2	BM6064	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3	1	2	0
3	AA6035	Thuế và kế toán thuế 1	3	2	1	0
4	AA6017	Kế toán tài chính 1	4	4	0	0
5	AA6039	Đề án kiểm toán	3	1	0	2
II.1.2.2	***TcKT3***	***Kiến thức tự chọn (Chọn tối thiểu 5 tín chỉ)***	***5***	***5***	***0***	***0***
	TcKT31	***Nhóm 31 (Chọn tối thiểu 3 tín chỉ)***	***3***	***3***	***0***	***0***
1	BM6057	Quản trị học	*3*	*3*	*0*	*0*
2	AA6036	Thuế và kế toán thuế 2	*3*	*3*	*0*	*0*
	TcKT32	***Nhóm 32 (Chọn tối thiểu 2 tín chỉ)***	***2***	***2***	***0***	***0***
1	AA6029	*Nghiên cứu, ứng dụng trong kế toán, kiểm toán*	*2*	*2*	*0*	*0*
2	AA6040	*Đổi mới sáng tạo và tư duy khởi nghiệp*	*2*	*2*	*0*	*0*
3	BM6054	Quản trị doanh nghiệp	*2*	*2*	*0*	*0*
4	BM6061	Quản trị rủi ro	*2*	*2*	*0*	*0*
II.2.2		**Kiến thức ngành**	**40**	**25**	**5**	**0**
II.2.2.1		**Kiến thức bắt buộc**	**34**	**30**	**4**	**0**
1	AA6018	Kế toán tài chính 2	3	3	0	0
2	AA6024	Kiểm toán tài chính 1	3	2	1	0
3	AA6041	Kiểm toán tài chính 2	4	3	1	0
4	AA6042	Kiểm toán nội bộ	3	3	0	0
5	AA6043	Kiểm soát nội bộ	3	3	0	0
6	AA6011	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	3	0	0
7	AA6044	Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo (F8-ACCA)	3	3	0	0
8	AA6014	Kế toán quản trị 1 (F2 -Management Accounting (ACCA)	3	3	0	0
9	AA6026	Lập và trình bày báo cáo tài chính doanh nghiệp	3	2	1	0
10	AA6007	Hệ thống thông tin kế toán	3	2	1	0
11	AA6019	Kế toán tài chính quốc tế (F3 - Financial Accounting (ACCA)	3	3	0	0
II.2.2.2	**TcKT4**	***Kiến thức tự chọn (Chọn tối thiểu 6 tín chỉ, trong 6 học phần sau)***	***6***	***5***	***1***	***0***
	TcKT41	***Nhóm 41 (Chọn tối thiểu 3 tín chỉ)***	***3***	***2***	***1***	***0***
1	AA6045	*Kiểm soát quản lý*	*3*	*2*	*1*	*0*
2	*AA6032*	*Phân tích báo cáo tài chính*	*3*	*2*	*1*	*0*

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng	Số tín chỉ thành phần		
				LT	TH/ TN	TL/ BTL/ ĐA/ TT
3	*AA6010*	*Kế toán định giá doanh nghiệp*	*3*	*3*	*0*	*0*
	TcKT42	***Nhóm 42 (Chọn tối thiểu 3 tín chỉ)***	***3***	***3***	***0***	***0***
1	*AA6046*	*Kiểm toán hệ thống thông tin*	*3*	*3*	*0*	*0*
2	*AA6001*	*Báo cáo tài chính quốc tế (F7 - Financial Reporting (ACCA)*	*3*	*3*	*0*	*0*
3	*AA6069*	*Kế toán quản trị 2 (F5 - Performance Management (ACCA)*	*3*	*3*	*0*	*0*
II.3		**Thực tập doanh nghiệp và khoá luận tốt nghiệp**	**15**	**0**	**0**	**15**
1	AA6047	Thực tập doanh nghiệp	6	0	0	6
2	AA6048	Khóa luận tốt nghiệp	9	0	0	9
		Tổng toàn khoá (Tín chỉ)	**149.5**	**93**	**18**	**17**

***Ghi chú**: Các học phần " Tiếng Anh cơ bản Thương mại 1"; " Tiếng Anh cơ bản Thương mại 2"; " Tiếng Anh cơ bản Thương mại 3"; " Tiếng Anh cơ bản Thương mại 4 áp dụng riêng cho đối tượng sinh viên chưa đạt chuẩn đầu vào tiếng Anh, và không tính khối lượng vào chương trình đào tạo.*

9.3 Ma trận các kỹ năng

Mã CĐR của CTĐT	Mã Tiêu chí đánh giá	Học kỳ I	Học kỳ II	Học kỳ III	Học kỳ IV	Học kỳ V	Học kỳ VI	Học kỳ VII	Học kỳ VIII
SO 1	PI 1.1	BS6010	BS6009	BS6012	*BS6013*				
	PI 1.2				*BS6011* AA6050(T) AA6040(T)	AA6049(TU)			
	PI 1.3		BM6046						AA6047(UT)
SO 2	PI 2.1	LP6010	LP6011	LP6004 LP6013					
	PI 2.2		LP6012		LP6003	LP6008			
	PI 2.3			*AA6021(TU)*		AA6019(T)	FL6165 AA6014(TU)		
SO 3	PI 3.1	BM6021	BM6022	*AA6021(T)*	*BM6057* AA6029(T)	BM6054			
	PI 3.2			*BM6037 BM6035*		*BM6075 BM6066* BM6064			
SO 4	PI 4.1	AA6031 (T)	AA6030 (T)		AA6028(UT) AA6018(T)		AA6014(T)	*AA6032(T)* AA6007(TU)	
	PI 4.2			AA6017(T)		AA6024(T) AA6019(TU)		AA6001(TU)	
	PI 4.3				AA6035(UT)	AA6036(T)	AA6026(TU) AA6011(T)	AA6069(TU)	
	PI 4.4						AA6041(UT)	*AA6010(TU)*	AA6048(UT)
SO 5	PI 5.1					BM6061		*AA6046 (T)*	
	PI 5.2						AA6039(T)	AA6043(T) AA6045(T)	AA6047(UT)
	PI 5.3						AA6026(TU)	AA6044(IT)	

Mã CĐR của CTĐT	Mã Tiêu chí đánh giá	Học kỳ I	Học kỳ II	Học kỳ III	Học kỳ IV	Học kỳ V	Học kỳ VI	Học kỳ VII	Học kỳ VIII
								AA6046 (T)	
SO 6	PI 6.1	AA6031 (TU)	LP6011	*BM6035*		FL6345 *AA6036(UT)*	FL6346 AA6011(TU) AA6039 (T)		AA6047(UT) AA6048(UT)
	PI 6.2	LP6010 AA6031 (TU)	BM6046	BS6012 AA6017(TU)	*AA6029(TU)*	AA6024(UT)	AA6039 (TU)	*AA6032(UT)*	
	PI 6.3		BS6009 AA6030(TU)	LP6004	AA6028(T) *AA6029(TU)*		AA6014(TU)		AA6047(UT) AA6048(UT)
SO 7	PI 7.1				*BS6013* *BS6011* AA6050(TU)	AA6049(T)		AA6007(TU) AA6046(UT)	
	PI 7.2		BM6022			*BM6075* AA6019(TU)		AA6044(UT) AA6001(TU) AA6069(TU)	
	PI 7.3	BS6010 BM6021		BM6036 *BM6037*	AA6040(UT)				
SO 8	PI 8.1				AA6050	BM6064 *BM6054*		AA6001(TU)	
	PI 8.2				*BM6057* AA6018(TU)	AA6049(T)		AA6042(UT) AA6045(UT) AA6043(IT)	AA6048(UT)
	PI 8.3		LP6012	*AA6021(TU)* AA6017(T)		*BM6066*			
SO 9	PI 9.1		AA6030(T)		LP6003 AA6035(T)	LP6008		*AA6010(TU)*	AA6047(UT)
	PI 9.2			LP6013	AA6018(TU)		AA6041(UT)	AA6044(UT)	
SO 10	PI 10.1				AA6035(T)	AA6024(T)		*AA6010(TU)*	

Mã CĐR của CTĐT	Mã Tiêu chí đánh giá	Học kỳ I	Học kỳ II	Học kỳ III	Học kỳ IV	Học kỳ V	Học kỳ VI	Học kỳ VII	Học kỳ VIII
	PI 10.2						AA6026(TU) AA6041(T)	AA6042(T) AA6007(T)	AA6047(UT) AA6048(UT)
	PI 10.3				AA6028(T)	*AA6036(UT)* *BM6061*		AA6042(UT) *AA6032(UT)*	AA6048(UT)
	PI 10.4						AA6011(T)	AA6042 AA6045(UT) AA6069(IT) AA6043(UT)	
Học phần tự chọn		PE6017 PE6001 PE6003 PE6005 PE6031 PE6029 PE6021 PE6027 PE6025 PE6011 PE6013 PE6015 PE6019	PE6018 PE6002 PE6004 PE6006 PE6032 PE6030 PE6022 PE6028 PE6026 PE6012 PE6014 PE6016 PE6020	*AA6021* *BM6037* *BM6035*	*BS6013* *BS6011* AA6029 AA6040 *BM6054* *BM6061*	AA6049 *BM6075* *BM6066* AA6036 *BM6057*		AA6045 *AA6032* *AA6010* AA6046 AA6001 AA6069	
Học phần khác									

9.4 Sơ đồ tiến trình đào tạo

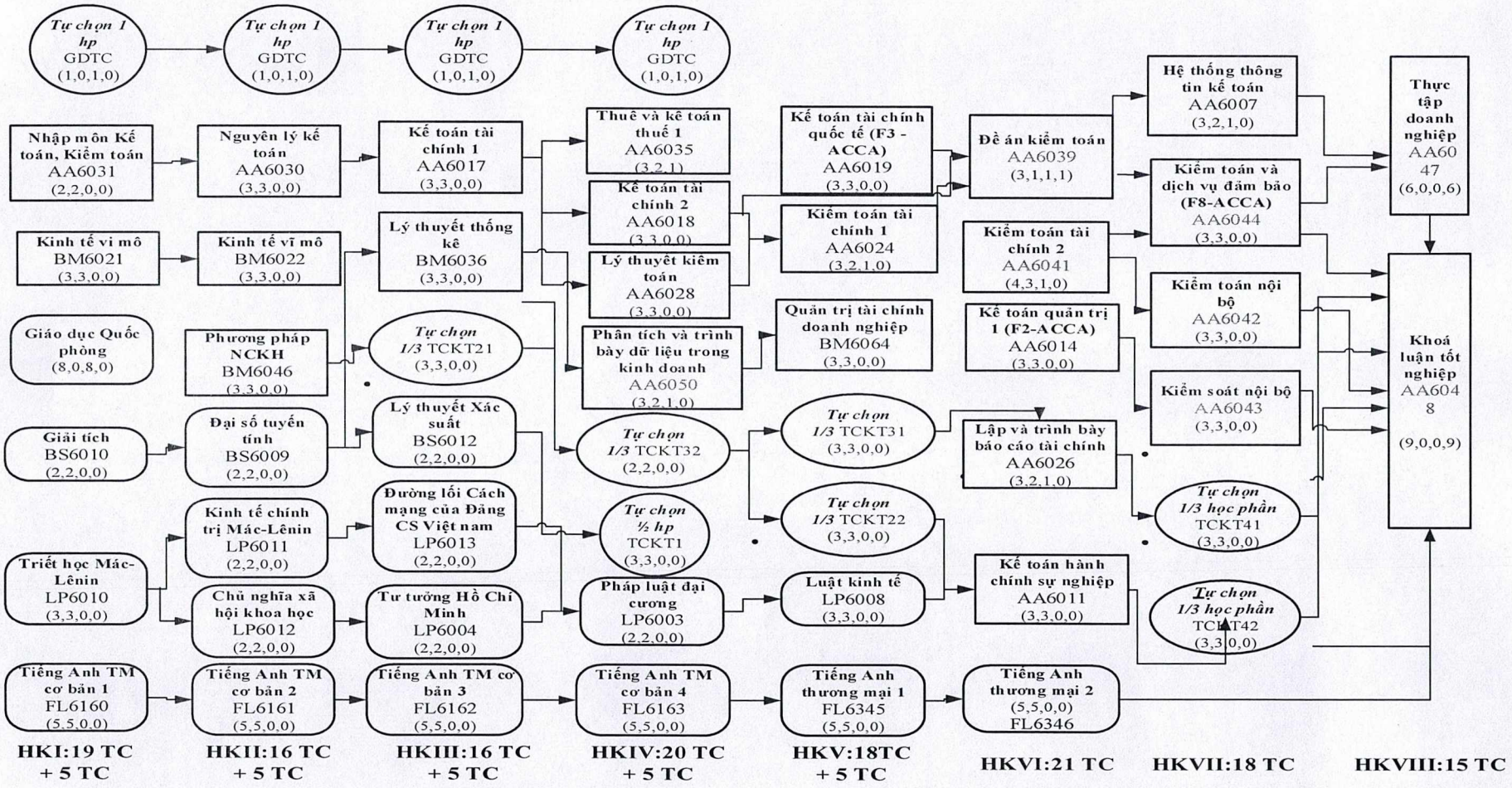

9.5. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng học phần

9.1. Triết học Mác-Lênin

Mã học phần: LP6010

Số tín chỉ: 3(3; 0; 0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung theo Quyết định hiện hành của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

9.2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin

Mã học phần: LP6011

Số tín chỉ: 2(2; 0; 0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung theo Quyết định hiện hành của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

9.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Mã học phần: LP6004

Số tín chỉ: 2(2; 0; 0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung theo Quyết định hiện hành của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

9.4. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Mã học phần: LP6012

Số tín chỉ: 2(2; 0; 0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung theo Quyết định hiện hành của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

9.5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Mã học phần: LP6013

Số tín chỉ: 2(2; 0; 0)

Loại học phần: Bắt buộc
Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung theo Quyết định hiện hành của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

9.6. Pháp luật đại cương

Mã học phần: LP6003
Số tín chỉ: 2(2; 0; 0)
Loại học phần: Bắt buộc
Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này trang bị những kiến thức lý luận chung có hệ thống một số vấn đề cơ bản về Nhà nước và pháp luật, pháp chế xã hội chủ nghĩa, hệ thống pháp luật Việt nam. Giới thiệu các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam: luật hiến pháp, luật hành chính, luật hình sự, luật tố tụng hình sự, luật dân sự, luật tố tụng dân sự, luật hôn nhân và gia đình, luật kinh tế, luật đất đai.

9.7. Nhập môn Kế toán, Kiểm toán

Mã học phần: AA6031
Số tín chỉ: 2(2; 0; 0)
Loại học phần: Bắt buộc
Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần nhập môn kế toán, kiểm toán cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vị trí, vai trò của nghề nghiệp kế toán kiểm toán trong nền kinh tế thị trường; Nội dung các qui định và nguyên tắc của chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán. Học phần hình thành được kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm liên quan đến công việc chuyên môn. Có ý thức trách nhiệm với bản thân và ý thức nghề nghiệp, có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học.

9.8. Tiếng Anh Thương mại

Mã học phần: FL6165
Số tín chỉ: 5(5; 0; 0)
Loại học phần: Bắt buộc
Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên một số kiến thức ngoại ngữ chuyên ngành ở mức độ cơ sở, giúp cho người học có thể đọc tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh, sử dụng làm ngôn ngữ giao tiếp với người nước ngoài trong công việc thực tế của mình.

9.9. Giải tích

Mã học phần: BS6010
Số tín chỉ: 2(2; 0; 0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấpcác kiến thức cơ bản về: Giải tích hàm nhiều biến số: đạo hàm riêng, vi phân, cực trị. Sử dụng giải tích hàm nhiều biến số trong phân tích kinh tế.; Phương trình vi phân cấp 1 và cấp cao. Sử dụng phương trình vi phân để phân tích so sánh tĩnh các mô hình kinh tế.; Phương trình sai phân cấp 1 và cấp cao.Sử dụng phương trình sai phân để phân tích các mô hình kinh tế động.

9.10. Đại số tuyến tính

Mã học phần: BS6009

Số tín chỉ: 2(2; 0; 0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấpcác kiến thức cơ bản về: Ma trận và các phép toán trên ma trận; Định thức và các tính chất của định thức; Ma trận nghịch đảo, hạng của ma trận; - Hệ phương trình tuyến tính; Không gian vectơ, hệ véctơ độc lập, phụ thuộc tuyến tính, cơ sở của không gian véc tơ; dạng toàn phương; Sử dụng ma trận, không gian véc tơ

9.11. Lý thuyết xác suất

Mã học phần: BS6012

Số tín chỉ: 2(2; 0; 0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Lý thuyết xác suất giới thiệu các khái niệm cơ bản về xác suất, khái niệm đại lượng ngẫu nhiên và một số phân phối xác suất thường gặp. Học phần này còn cung cấp các phương pháp giải các bài toán xác suất, đặc biệt là các bài toán đánh giá mức độ rủi ro trong sản suất, kinh doanh và đầu tư góp phần giúp các nhà kinh tế có những quyết sách đúng đắn trong công việc của họ. Học phần Lý thuyết xác suất là cơ sở cho việc học tập và nghiên cứu một số môn học liên quan như: Lý thuyết thống kê, Kinh tế lượng, Mô hình toán kinh tế...Ngoài ra, học phần sẽ góp phần hình thành và phát triển tư duy logic cho sinh viên, giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp như kỹ năng thu thập xử lý số liệu thống kê, kỹ năng quan sát, đặc biệt là kỹ năng phân tích và ra quyết định.

9.12. Mô hình toán

Mã học phần: *BS6013*

Số tín chỉ: 3(3; 0; 0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Mô hình toán trình bày những nội dung cơ bản về mô hình tối ưu tuyến tính trong sản xuất, kinh doanh, giới thiệu các khái niệm, cấu trúc của mô hình vào ra và trình bày về một số dạng mô hình toán tối ưu trong thực tiễn. Nội dung học phần đề cập đến việc ứng dụng các công cụ toán học nhằm mô hình hóa và phân tích định lượng các hiện tượng và quá trình diễn ra trong các hoạt động kinh tế. Mô hình toán nghiên cứu các mô hình tối ưu trong kinh tế, mô hình cân đối liên ngành, các phương pháp phân tích so sánh tĩnh, so sánh động, cân bằng,... Nội dung học phần này đóng vai trò quan trọng trong việc học tập và nghiên cứu một số môn học chuyên ngành liên quan trong lĩnh vực kinh tế. Ngoài ra, học phần sẽ góp phần hình thành và phát triển tư duy logic cho sinh viên, giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp như kỹ năng thu thập xử lý số liệu thống kê, kỹ năng quan sát, đặc biệt là kỹ năng phân tích, ra quyết định và định hướng phát triển kinh tế, sản xuất.

9.13. Kinh tế lượng

Mã học phần: *BS6011*

Số tín chỉ: 3(3; 0; 0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Kinh tế lượng (econometrics) là một bộ phận của Kinh tế học, được hiểu theo nghĩa rộng là môn khoa học kinh tế giao thoa với thống kê học và toán kinh tế. Hiểu theo nghĩa hẹp, là ứng dụng toán, đặc biệt là các phương pháp thống kê vào kinh tế. Kinh tế lượng lý thuyết nghiên cứu các thuộc tính thống kê của các quy trình kinh tế lượng, ví dụ như: xem xét tính hiệu quả của việc lấy mẫu, của thiết kế thực nghiệm... Kinh tế lượng thực nghiệm bao gồm: (1) ứng dụng các phương pháp kinh tế lượng vào đánh giá các lý thuyết kinh tế (2) phát triển và sử dụng các mô hình kinh tế lượng, tất cả để sử dụng vào nghiên cứu quan sát kinh tế trong quá khứ hay dự đoán tương lai. Thuật ngữ Kinh tế lượng (econometrics) lần đầu tiên được sử dụng vào năm 1910 bởi Paweł Ciompa. Kinh tế lượng khác với các nhánh khác của thống kê học ở chỗ đặc biệt liên quan tới các nghiên cứu quan sát và với hệ thống các phương trình (equations). Nghiên cứu quan sát khác với nghiên cứu sử dụng thí nghiệm có kiểm soát (vốn hay dùng trong y học hay vật lý). Học phần giới thiệu một số phương pháp xây dựng và phân tích mô hình hồi quy dạng tuyến tính, cách đánh giá và ước lượng một số thông số của mô hình hồi quy. Giới thiệu một số khuyết tật thường gặp và cách khắc phục trong các mô hình hồi quy. Trên cơ sở đó các nhà kinh tế có thể kiểm chứng về mặt thực nghiệm cho các giả thuyết kinh tế và phân tích, dự báo các vấn đề kinh tế xã hội.

9.14. Phương pháp nghiên cứu khoa học

Mã học phần: BM6046

Số tín chỉ: 3(3; 0; 0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các phương pháp nghiên cứu khoa học và quy trình tổ chức để thực hiện một nghiên cứu khoa học. Sau khi học xong, sinh viên có thể vận dụng quy trình nghiên cứu (lựa chọn chủ đề nghiên cứu; tổng quan tài liệu; phát triển lý thuyết; thiết kế nghiên cứu; thu thập dữ liệu; phân tích dữ liệu; viết báo cáo) cho các nhiệm vụ môn học, báo cáo thực tập tốt nghiệp, luận văn tốt nghiệp, các hoạt động nghiên cứu khác. Đồng thời, giúp sinh viên hình thành phẩm chất sáng tạo, khách quan, trung thực trong nghiên cứu khoa học.

9.15. Kinh tế học vi mô

Mã học phần: BM6021
Số tín chỉ: 3(3; 0; 0)
Loại học phần: Bắt buộc
Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về nguồn lực và sự khan hiếm của nguồn lực; một số quy luật kinh tế, thị trường, hành vi của các chủ thể tham gia vào thị trường, cấu trúc thị trường. Sau khi học xong, sinh viên có thể thực hiện phân tích hành vi của các chủ thể tham gia thị trường, các yếu tố ảnh hưởng tới thị trường, phân biệt các cấu trúc thị trường. Học phần giúp sinh viên có thái độ khách quan khi đánh giá biến động của thị trường, hành vi của các chủ thể trong thị trường; thấy được tầm quan trọng của việc nghiên cứu sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong điều kiện nguồn lực khan hiếm.

9.16. Kinh tế học vĩ mô

Mã học phần: BM6022
Số tín chỉ: 3(3; 0; 0)
Loại học phần: Bắt buộc
Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: các chỉ tiêu cơ bản để đo lường sản lượng quốc gia, mối quan hệ của một số biến số đặc trưng, như: lạm phát – thất nghiệp – tăng trưởng kinh tế, cơ chế vận hành của các chính sách kinh tế vĩ mô. Sinh viên vận dụng một số mô hình kinh tế để giải thích tác động của các sự kiện kinh tế đến sản lượng, lãi suất, đầu tư, giá cả và việc làm trong nền kinh tế. Sau khi học xong, sinh viên có thái độ khách quan trong việc đánh giá xu hướng vận động của các biến số kinh tế vĩ mô, nhận thức được vai trò của nhà nước trong điều hành các hoạt động kinh tế.

9.17. Nguyên lý kế toán

Mã học phần: AA6030
Số tín chỉ: 3(3; 0; 0)
Loại học phần: Bắt buộc
Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần nguyên lý kế toán cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về kế toán bao gồm: vai trò, yêu cầu, nguyên tắc, đối tượng kế toán, qui trình kế toán, đo lường kế toán và báo cáo tài chính. Sinh viên có khả năng thành lập nhóm phù hợp với công việc. Học phần rèn luyện cho sinh viên tôn trọng và tuân thủ các quy định, pháp luật

9.18. Lý thuyết thống kê

Mã học phần: BM6036
Số tín chỉ: 3(3; 0; 0)
Loại học phần: Bắt buộc
Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên nhưng kiến thức về hệ thống các phương pháp thu thập, xử lý và phân tích số liệu của các hiện tượng kinh tế, xã hội. Từ đó, sinh viên vận dụng được các phương pháp thu thập, xử lý và phân tích số liệu để tìm hiểu bản chất tính quy luật của các hiện tượng kinh tế, xã hội. Qua đó, sinh viên có tính trung thực, khách quan trong công tác thống kê.

9.19. Luật kinh tế

Mã học phần: LP6008
Số tín chỉ: 3(3; 0; 0)
Loại học phần: Bắt buộc
Điều kiện tiên quyết: Không

Luật kinh tế là học phần nghiên cứu các quy định pháp luật về thương nhân và các loại hình doanh nghiệp; hợp đồng và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Trên cơ sở đó, giúp sinh viên giải quyết được các tình huống pháp luật trong thực tiễn; góp phần hoàn thiện đạo đức nghề nghiệp và có ý thức tôn trọng, thực hiện pháp luật trong lĩnh vực kinh tế.

9.20. Lý thuyết kiểm toán

Mã học phần: AA6028
Số tín chỉ: 3(3; 0; 0)
Loại học phần: Bắt buộc
Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Lý thuyết kiểm toán trang bị những kiến thức căn bản về kiểm toán bao gồm: khái niệm, phân loại kiểm toán; các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp trong kiểm toán; kiểm toán viên và các tổ chức nghề nghiệp kiểm toán; kiểm soát nội bộ; phương pháp kiểm toán và quy trình kiểm toán; trọng yếu và rủi ro kiểm toán, gian lận và nhầm lẫn, cơ sở dẫn liệu và bằng chứng kiểm toán. Sinh viên vận dụng các kiến thức kế toán, hệ thống thông tin kế toán, báo cáo tài chính trong xử lý các tình huống kiểm toán. Sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức kiểm toán để đánh giá được các tình huống thực tế liên quan đến hoạt động kiểm toán; nhận diện được các nhầm lẫn và gian lận trong tình huống cụ thể và đề xuất biện phát để ngăn ngừa gian lận, nhầm lẫn trong doanh nghiệp. Sinh viên tôn

trọng và tuân thủ các quy định, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kiểm toán. Có thái độ chủ động, tích cực, tinh thần học hỏi nghiêm túc, có ý thức trách nhiệm trong công việc.

9.21. Kế toán trong kinh doanh (F1-Accountant in Business, ACCA)

Mã học phần: *AA6021*

Số tín chỉ: 3(3; 0; 0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Kế toán trong kinh doanh cung cấp những kiến thức cơ bản liên quan đến doanh nghiệp như: loại hình doanh nghiệp, các bên liên quan, các yếu tố ảnh hưởng đến doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh; cơ cấu và chức năng của doanh nghiệp, quản trị doanh nghiệp; vai trò của kế toán, kiểm toán và kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp; các vấn đề lãnh đạo, quản lý con người; đánh giá hiệu quả cá nhân và giao tiếp trong kinh doanh; những vấn đề liên quan đến giá trị đạo đức nghề nghiệp được công nhận; đồng thời học phần còn giúp sinh viên sử dụng thuật ngữ tiếng Anh trong kế toán và kinh doanh để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường. Học phần rèn luyện cho sinh viên kỹ năng sử dụng thuật ngữ tiếng Anh trong kế toán và kinh doanh để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường. Học phần còn giúp sinh viên có thái độ tích cực học tập, nghiên cứu để nhận định được các vấn đề liên quan đến doanh nghiệp, hiểu được vai trò, trách nhiệm của người làm kế toán đối với xã hội cũng như lợi ích của việc ứng dụng kiến thức kế toán vào thực tiễn xã hội.

9.22. Marketing căn bản

Mã học phần: *BM6037*

Số tín chỉ: 3(3; 0; 0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về hoạt động marketing trong doanh nghiệp: môi trường marketing, hệ thống thông tin và nghiên cứu marketing, phân đoạn thị trường, định vị thị trường và chính sách marketing - mix. Trên cơ sở đó, sinh viên nhận biết, phân tích và đánh giá được hoạt động marketing của một doanh nghiệp cụ thể, đồng thời sinh viên có thái độ tôn trọng và vì lợi ích của người tiêu dùng.

9.23. Lý thuyết tài chính tiền tệ

Mã học phần: *BM6035*

Số tín chỉ: 3(3; 0; 0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Lý thuyết tài chính tiền tệ trang bị cho sinh viên những kiến thức về cung cầu tiền tệ, lạm phát, lãi suất, tín dụng, thị trường tài chính và các công cụ trên thị trường tài chính. Bên cạnh đó, học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các thành phần của hệ thống tài chính quốc gia. Học phần này giúp sinh viên có thể vận dụng các kiến thức đã

được trang bị để luận giải các vấn đề thực tiễn có liên quan đến tài chính, tiền tệ, tín dụng, ngân hàng. Đồng thời, rèn luyện cho sinh viên có ý thức đúng đắn trong việc đánh giá tầm quan trọng của tài chính tiền tệ trong sự phát triển kinh tế đất nước, có ý thức hoàn thiện phẩm chất khách quan.

9.24. Dự báo và phân tích dữ liệu kinh doanh

Mã học phần: AA6049
Số tín chỉ: 3(2; 1; 0)
Loại học phần: Tự chọn
Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần dự báo và phân tích dữ liệu kinh doanh cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về dự báo và phân tích dữ liệu kinh doanh; về các mô hình dự báo và phân tích dữ liệu kinh doanh gồm các mô hình dự báo đơn giản, các mô hình dự báo xử lý dữ liệu chuỗi thời gian, các mô hình dự báo trong phân tích và dự báo rủi ro; và những kiểm soát và quản lý quy trình cần thiết trong quy trình dự báo và phân tích dữ liệu kinh doanh. Học phần giúp sinh viên có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin trong phân tích và trình bày dữ liệu thông qua sử dụng Excel/ Eview/Stata/Minitab/SPSS/R.

Học phần cũng giúp sinh viên có ý thức, trách nhiệm với bản thân, chủ động, tích cực, sáng tạo, có tinh thần học tập nghiêm túc, khoa học.

9.25. Thị trường chứng khoán

Mã học phần: BM6075
Số tín chỉ: 3(3; 0; 0)
Loại học phần: Tự chọn
Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Thị trường chứng khoán giúp sinh viên trang bị kiến thức về các loại chứng khoán, các chủ thể tham gia, các hoạt động của thị trường sơ cấp và thị trường thứ cấp, các phương thức giao dịch trên thị trường chứng khoán. Từ đó, sinh viên có thể vận dụng kiến thức để luận giải các vấn đề thực tiễn gắn với cấu trúc, hoạt động phát hành, niêm yết và giao dịch trên thị trường chứng khoán; tính toán được các giá trị có liên quan đến các chứng khoán giao dịch trên thị trường và liên hệ được với thực tế hoạt động kinh doanh của chủ thể phát hành. Sinh viên có ý thức cập nhật các thông tin của thị trường chứng khoán.

9.26. Tài chính công

Mã học phần: *BM6066*
Số tín chỉ: 3(3; 0; 0)
Loại học phần: Tự chọn
Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả học phần: Học phần Tài chính công giúp sinh viên phân tích được những kiến thức về ngân sách nhà nước, quản lý nguồn thu – chi và cân đối ngân sách nhà nước. Đồng thời, vận dụng kiến thức và thông tin thu thập được để tính toán các chỉ tiêu thu chi cân đối ngân sách

nhà nước và tại các đơn vị dự toán. Rèn luyện cho sinh viên có phẩm chất nghề nghiệp chuyên tâm trong công việc.

9.27. Phân tích và trình bày dữ liệu trong kinh doanh

Mã học phần: AA6050

Số tín chỉ: 3(2; 1; 0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Phân tích và trình bày dữ liệu trong kinh doanh cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: những vấn đề chung về phân tích trình bày dữ liệu trong kinh doanh, vận dụng các phương pháp, kỹ thuật phân tích dữ liệu kinh doanh để phân tích các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất, phân tích chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Học phần rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tính toán, lựa chọn các công cụ, kỹ thuật, thao tác trình bày, phân tích, cung cấp thông tin, trình bày báo cáo phân tích trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin (sử dụng phần mềm powerBI) hỗ trợ ra quyết định. Học phần còn giúp sinh viên có thái độ linh hoạt trong việc lựa chọn chỉ tiêu, kỹ thuật, phương pháp phân tích để trình bày, phân tích, cung cấp thông tin phù hợp với nhu cầu ra quyết định.

9.28. Quản trị tài chính doanh nghiệp

Mã học phần: BM6064

Số tín chỉ: 3(1;2 ; 0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả học phần: Học phần Quản trị tài chính doanh nghiệp giúp sinh viên có kiến thức về chức năng và nội dung quản trị tài chính trong doanh nghiệp như quản trị doanh thu – chi phí – lợi nhuận, quản trị dòng tiền; phân tích nguồn, nguồn vốn và các hình thức huy động vốn của doanh nghiệp. Từ đó, sinh viên có thể luận giải được các quyết định quản trị tài trợ, quyết định đầu tư, quyết định phân phối lợi nhuận trong các điều kiện cụ thể; vận dụng quy trình và phương pháp đánh giá tài chính doanh nghiệp nhằm đề xuất các hiệu chỉnh trong quản trị tài chính doanh nghiệp. Sinh viên nhận diện được cơ hội trong huy động và tạo lập nguồn tài chính; có năng lực phân tích một cách hợp lý các giá trị được phân phối và sử dụng trong doanh nghiệp trên Báo cáo tài chính doanh nghiệp thực tế.

9.29. Thuế và kế toán thuế 1

Mã học phần: AA6035

Số tín chỉ: 3(2; 1; 0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Thuế và kế toán thuế 1 cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thuế và kế toán thuế trong doanh nghiệp bao gồm: khái niệm, phạm vi áp dụng, căn cứ tính thuế, phương pháp tính thuế, phương pháp ghi nhận, lập và trình bày báo cáo về nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp về các loại thuế sau: thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp,

thuế, phí, lệ phí khác, … Học phần giúp sinh viên tính toán được số thuế phải nộp vào ngân sách nhà nước; định khoản được các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến thuế và lựa chọn được các hình thức kê khai, quyết toán thuế phù hợp. Sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng giải thích, phân tích được vai trò, trách nhiệm của người làm kế toán đối với xã hội. Sinh viên sử dụng thành thạo phần mềm kê khai thuế và nộp thuế điện tử phục vụ cho công việc kế toán thuế tại doanh nghiệp. Học phần rèn luyện cho sinh viên tính trung thực, trách nhiệm và đáng tin cậy trong công việc; Tôn trọng và tuân thủ các quy định, pháp luật.

9.30. Kế toán tài chính 1

Mã học phần: AA6017

Số tín chỉ: 4(4; 0; 0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Kế toán tài chính 1 cung cấp cho sinh viên những kiến thức trong lĩnh vực kế toán để phản ánh, đo lường và ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế tại doanh nghiệp. Sinh viên có khả năng giải thích và vận dụng được các chuẩn mực kế toán để phản ánh, đo lường, ghi chép các nghiệp vụ thuộc các phần hành: Kế toán vốn bằng tiền, các khoản phải thu; Kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ; Kế toán tài sản cố định; Kế toán nợ phải trả và vốn chủ sở hữu tại doanh nghiệp. Sinh viên có khả năng xây dựng và điều hành nhóm làm việc hiệu quả để giải quyết được các nghiệp vụ kinh tế mô phỏng tại doanh nghiệp.Sinh viên tích cực tham gia các hoạt động học tập, tích cực trong nghiên cứu tài liệu, tham gia học tập, chuẩn bị bài và làm bài đầy đủ, đúng thời gian quy định.

9.31. Đề án kiểm toán

Mã học phần: AA6039

Số tín chỉ: 3(1; 0; 2)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần đề án kiểm toán giúp sinh viên củng cố, tổng hợp những kiến thức chuyên ngành đã học về kiểm toán tài chính, kế toán và kiểm soát nội bộ. Sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng phát hiện và giải quyết một số vấn đề kiểm toán hiệu quả. Đồng thời thể hiện khả năng giao tiếp tốt, diễn đạt rõ ràng thông qua báo cáo về đề tài đã lựa chọn. Sinh viên luôn có thái độ cầu thị, thường xuyên học tập và tinh thần hợp tác thân thiện với đồng nghiệp.

9.32. Thuế và kế toán thuế 2

Mã học phần: AA6036

Số tín chỉ: 3(3; 0; 0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Thuế và kế toán thuế 2 cung cấp những kiến thức cơ bản về thuế và kế toán thuế trong doanh nghiệp đặc thù về các loại thuế sau: thuế xuất nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt,

thuế nhà thầu. Sinh viên hiểu được các kiến thức về tối ưu thuế và vận dụng để lập kế hoạch tối ưu thuế về các loại thuế trong một số trường hợp cụ thể. Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng nhận diện được các sai phạm liên quan đến thuế và kế toán thuế về các loại thuế phát sinh trong doanh nghiệp, đề xuất được các biện pháp xử lý, ngăn ngừa các sai phạm trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin. Học phần rèn luyện cho sinh viên kỹ năng giao tiếp tốt, diễn đạt rõ ràng, thuyết phục ý kiến cá nhân liên quan đến công việc chuyên môn.

9.33. Quản trị rủi ro

Mã học phần: BM6061
Số tín chỉ: 2(2; 0; 0)
Loại học phần: Tự chọn
Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Quản trị rủi ro giúp sinh viên có kiến thức về các loại rủi ro và quản trị rủi ro; các phương pháp nhận dạng và phân tích rủi ro, kiểm soát và tài trợ rủi ro, giám sát và báo cáo rủi ro. Từ đó, sinh viên có khả năng vận dụng được phương pháp và quy trình quản trị rủi ro trong từng tình huống cụ thể. Trên cơ sở đó, học phần rèn luyện cho sinh viên phẩm chất sẵn sàng đương đầu với rủi ro, thích nghi cao với sự thay đổi.

9.34. Quản trị doanh nghiệp

Mã học phần: BM6054
Số tín chỉ: 2(2; 0; 0)
Loại học phần: Tự chọn
Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về doanh nghiệp và quản trị doanh nghiệp nhằm đánh giá được các hoạt động trong doanh nghiệp. Phân tích và đánh giá được nội dung các vấn đề chủ yếu trong hoạt động của doanh nghiệp và các yếu tố môi trường có ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp; chủ động tham gia cũng như có khả năng thành lập nhóm phù hợp với công việc. Có khả năng độc lập trong việc tìm kiếm thông tin và đánh giá môi trường kinh doanh; hình thành ý thức tôn trọng sự khác biệt về văn hóa doanh nghiệp

9.35. Nghiên cứu, ứng dụng trong kế toán, kiểm toán

Mã học phần: AA6029
Số tín chỉ: 2(2; 0; 0)
Loại học phần: Tự chọn
Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học và các phương pháp nghiên cứu khoa học ứng dụng trong kế toán - kiểm toán. Học phần giúp cho sinh viên hiểu được khái niệm, cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu khoa học trong kế toán - kiểm toán; vận dụng phương pháp nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng trong trình bày một bài nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Học phần rèn luyện cho sinh viên kỹ năng làm việc nhóm để đạt được mục tiêu đề ra; Phát hiện và giải quyết các vấn đề

trong nghiên cứu. Học phần rèn luyện cho sinh viên cách thức vận hành công việc độc lập, sáng tạo, linh hoạt trong xử lý các công việc chuyên môn.

9.36. Đổi mới sáng tạo và tư duy khởi nghiệp

Mã học phần: AA6040

Số tín chỉ: 2(2; 0; 0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Đổi mới sáng tạo và Tư duy khởi nghiệp cung cấp những kiến thức nhằm giúp người học hiểu và vận dụng các kỹ thuật và công cụ để hình thành và hỗ trợ cho các hoạt động sáng tạo và đổi mới trong tổ chức, cách chuẩn bị những điều kiện cần và đủ để tạo lập và điều hành thành công một doanh nghiệp mới. Môn học cũng đồng thời trang bị những kiến thức để người học có thể xây dựng được kế hoạch hành động cho ý tưởng kinh doanh, thực thi kế hoạch và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường kinh doanh. Ngoài ra môn học còn nhằm nâng cao nhận thức về trách nhiệm của một doanh nhân đối với sự phát triển nền kinh tế của đất nước, đối với khách hàng của doanh nghiệp.

Học phần này tạo điều kiện cho người học rèn luyện các kỹ năng về Tư duy sáng tạo; Lập phương án thực thi ý tưởng kinh doanh; Phân tích thị trường và đối thủ cạnh tranh; tìm kiếm nguồn tài chính và thuyết phục nhà đầu tư. Đồng thời người học có thái độ chủ động và sáng tạo trong khuôn khổ luật pháp; Trung thực và cạnh tranh lành mạnh để tìm kiếm lợi nhuận chính đáng; Ủng hộ chiến lược tăng trưởng xanh nền kinh tế của chính phủ.

9.37. Kế toán tài chính 2

Mã học phần: AA6018

Số tín chỉ: 3(3; 0; 0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Kế toán tài chính 2 cung cấp cho sinh viên những kiến thức trong lĩnh vực kế toán để đo lường và ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế tại doanh nghiệp.Sinh viên khả năng nhận định và vận dụng các quy định hiện hành để xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm; Tiêu thụ thành phẩm và xác định kết quả kinh doanh và các giao dịch bằng ngoại tệ. Sinh viên có ý thức nghiên cứu những tình huống thực tế liên quan đến lĩnh vực kế toán để tổ chức công tác kế toán phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Đồng thời, sinh viên cũng có ý thức tuân thủ chuẩn mực về năng lực chuyên môn khi xử lý các tình huống phát sinh trong doanh nghiệp.

9.38. Kiểm toán tài chính 1

Mã học phần: AA6024

Số tín chỉ: 3(2; 1; 0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần kiểm toán tài chính 1 cung cấp những kiến thức chuyên ngành về kiểm toán tài chính, trách nhiệm của kiểm toán viên trong kiểm toán tài chính, quy trình kiểm toán: lập kế hoạch kiểm toán, thực hiện kiểm toán, báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính. Sau khi học xong học phần này, sinh viên vận dụng các kiến thức về kiểm toán và quy trình thực hiện kiểm toán từ đó xây dựng và điều hành nhóm làm việc hiệu quả để đạt được mục tiêu đề ra, phát hiện và giải quyết vấn đề hiệu quả. Phân tích vai trò và trách nhiệm của kiểm toán viên đối với xã hội. Sinh viên tuân thủ tốt chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kiểm toán, có ý thức tôn trọng nội quy, quy định của công ty, có khả năng thích ứng cao trong công việc và có thái độ đúng mực đối với đối tác.

9.39. Kiểm toán tài chính 2

Mã học phần: AA6041

Số tín chỉ: 4(3; 1; 0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần kiểm toán tài chính 2 cung cấp kiến thức về mục tiêu, căn cứ kiểm toán; các thử nghiệm kiểm soát, thử nghiệm cơ bản trong kiểm toán các chu kì: kiểm toán chu kỳ bán hàng và thu tiền, mua hàng và thanh toán, hàng tồn kho - giá vốn hàng bán, tiền lương và nhân sự, ... Sinh viên phân tích, tổng hợp, đánh giá được hệ thống kiểm toán tài chính, hệ thống kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp. Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng triển khai quy trình kiểm toán tài chính cho doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Sinh viên tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kiểm toán, có ý thức tôn trọng nội quy, quy định của công ty, có khả năng thích ứng cao trong công việc và có thái độ đúng mực đối với đối tác.

9.40. Kiểm toán nội bộ

Mã học phần: AA6042

Số tín chỉ: 3(3; 0; 0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Kiểm toán nội bộ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Kiểm toán nội bộ bao gồm: Khái niệm, đặc điểm, quy trình kiểm toán, hồ sơ kiểm toán, quy trình xử lý các phát hiện kiểm toán trong Kiểm toán nội bộ và báo cáo Kiểm toán nội bộ. Vận dụng kiến thức Kiểm toán nội bộ để đánh giá hệ thống thông tin và kiểm soát nội bộ trong tổ chức. Sau khi học xong học phần này, sinh viên có kiến thức, khả năng để lập kế hoạch, thực hiện, tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá công tác kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác, nhận dạng được các rủi ro trong hoạt động của tổ chức, từ đó đề xuất biện pháp cải thiện thích hợp. Học phần rèn luyện cho sinh viên có tác phong làm việc chuyên nghiệp, tư duy sáng tạo, linh hoạt trong công việc.

9.41. Kiểm soát nội bộ

Mã học phần: AA6043

Số tín chỉ: 3(3; 0; 0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần kiểm soát nội bộ cung cấp những kiến thức cơ bản về hoạt động kiểm soát nội bộ trong một số chu trình kinh doanh chính của doanh nghiệp; khuôn mẫu hệ thống kiểm soát nội bộ; các hình thức gian lận và biện pháp phòng ngừa gian lận.

Sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức vào việc xác định các loại hình gian lận, các thành phần trong kiểm soát nội bộ. Học phần rèn luyện cho sinh viên kỹ năng nhận diện được rủi ro trong môi trường kinh doanh đồng thời linh hoạt trong phân tích và đánh giá được rủi ro trong tổ chức.

Đồng thời sinh viên có thái độ tích cực cập nhật, nghiên cứu kiến thức mới để áp dụng hiệu quả trong lĩnh vực chuyên môn.

9.42. Kế toán hành chính sự nghiệp

Mã học phần: AA6011

Số tín chỉ: 3(3; 0; 0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Kế toán hành chính sự nghiệp cung cấp cho sinh viên kiến thứctổng quan về đơn vị hành chính sự nghiệp và nội dung tổ chức công tác kế toán các phần hành tiền, đầu tư tài chính và các khoản phải thu; hàng tồn kho; tài sản cố định và xây dựng cơ bản; các khoản phải trả; nguồn kinh phí; các khoản thu - chi và xác định kết quả các hoạt động trong đơn vị hành chính sự nghiệp. Học phần giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng giao tiếp để giải quyết các tình huống kế toán phát sinh trong đơn vị hành chính sự nghiệp. Học phần giúp sinh viên hình thành khả năng thích ứng với sự thay đổi trong công tác kế toán tại các đơn vị hành chính sự nghiệp.

9.43. Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo (F8-ACCA)

Mã học phần: AA6044

Số tín chỉ: 3(3; 0; 0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Audit and assurance identify and explain the concept and the basic terminologies of the audit such as materiality, audit risks, internal controls, audit evidences, and written reports, etc. Identify the different methods of obtaining evidence and recognize when conclusions can be drawn from evidence obtained; Define the audit process, identify the fundamental principles of an effective control system; identify internal control deficiencies in clients and select appropriate methods to resolve situations; keep records of the work performed; aware of the role of ethical codes and their importance to the profession. Students are required to be used English at intermediate to read and understand documents specialized in auditings, up to date international regulations, rules, principles of accounting and auditing to adapt to the international working environment. Students pledge loyalty to corporate and community interests. Fully comply with professional ethics requirements.

9.44. Kế toán quản trị 1 (F2 -Management Accounting (ACCA)

Mã học phần: AA6014

Số tín chỉ: 3(3; 0; 0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Kế toán quản trị 1 (F2-Management Accounting (ACCA)) cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguồn dữ liệu kế toán quản trị trong doanh nghiệp; các kỹ thuật tính chi phí và các phương pháp kế toán chi phí được sử dụng trong doanh nghiệp; lập và sử dụng ngân sách, tính chi phí định mức; phân tích chênh lệch và sử dụng các công cụ thiết yếu cho việc lập kế hoạch, kiểm soát chi phí doanh nghiệp, vận dụng các biện pháp đánh giá và giám sát hiệu quả hoạt động của một tổ chức; đồng thời học phần còn giúp sinh viên vận dụng được thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành liên quan đến công việc chuyên môn kế toán quản trị.

Học phần còn rèn luyện sinh viên các kỹ năng vận hành công việc độc lập, linh hoạt trong xử lý các công việc chuyên môn như: tính toán chi phí, lập dự toán và phân tích chênh lệch đáp ứng yêu cầu kế toán quản trị trong doanh nghiệp; Lựa chọn linh hoạt công cụ phù hợp để trình bày, phân tích và cung cấp thông tin kế toán.

Học phần còn giúp sinh viên có thái độ tích cực nâng cao khả năng sử dụng thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành; Chủ động học tập nghiêm túc, khoa học, kết hợp giữa thực tiễn và lý thuyết để giải quyết vấn đề đặt ra trong quá trình học tập cũng như thực tế khi ra trường.

9.45. Lập và trình bày báo cáo tài chính doanh nghiệp

Mã học phần: AA6026

Số tín chỉ: 3(2; 1; 0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Lập và trình bày BCTC giúp cho sinh viên vận dụng những kiến thức theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán hiện hành trong việc lập và trình bày BCTC; nhận diện được sự khác biệt trong trình bày BCTC theo chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) và chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS). Sinh viên có khả năng phản biện và xử lý các vấn đề trong quá trình thu thập và xử lý thông tin kế toán hàng ngày tại doanh nghiệp cũng như khi kết thúc kỳ kế toán, có khả năng diễn giải, phân tích, nhận định về các thông tin đã thu thập được, xử lý và lập BCTC của doanh nghiệp. Học phần rèn luyện cho sinh viên tính cẩn thận, chính xác, trung thực, tôn trọng và tuân thủ pháp luật.

9.46. Hệ thống thông tin kế toán

Mã học phần: AA6007

Số tín chỉ: 3(2; 1; 0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Hệ thống thông tin kế toán cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống, hệ thống thông tin, hệ thống thông tin quản lý, hệ thống thông tin kế toán; cách thức tổ

chức cơ sở dữ liệu và kiểm soát nội bộ trong hệ thống thông tin kế toán, các hoạt động xử lý và kiểm soát các chu trình kinh doanh, các mô hình hệ thống thông tin kế toán và cách thức cung cấp thông tin trong hệ thống thông tin kế toán.

Ngoài ra, học phần còn rèn luyện cho sinh viên có khả năng sử dụng công nghệ thông tin trong thu thập, xử lý và trình bày dữ liệu trong hệ thống thông tin kế toán, phát hiện sai sót và phòng ngừa gian lận trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin.

Học phần còn giúp sinh viên có thái độ chủ động, tích cực, sáng tạo, có tinh thần học tập nghiêm túc, khoa học và ứng dụng công nghệ thông tin.

9.47. Kế toán tài chính quốc tế (F3 - Financial Accounting (ACCA)

Mã học phần: AA6019

Số tín chỉ: 3(3; 0; 0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Course FA/FFA- ACCA (Financial Accounting) provides 3 main contents related to the circumstance and objectives of a financial report; the qualified features of financial information; the basic background of accounting. Students are guided to apply double entry into practices, record business transactions, the incurred events during the term and do other tasks needed at the end of an accounting term such as make a trial balance, make a basic financial statement and make a consolidated financial statement.

After finishing this course, students can present the financial information and realize the common errors appeared in a trial balance sheet, a basic financial statement and a consolidated financial statement and make the corrections in line with the international standards. Students are able to work in a team, discuss and handle any accounting cases effectively to achieve the goal of an organization.

Students are complied with the standard ethics in accounting, the regulations of an organization; highly adaptable to any tasks; independent and creative in studying specialized knowledge.

9.48. Kiểm soát quản lý

Mã học phần: AA6045

Số tín chỉ: 3(2; 1; 0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần kiểm soát quản lý cung cấp những kiến thức cơ bản về kiểm soát; kiểm soát quản lý; các trung tâm trách nhiệm; lập kế hoạch thực hiện chiến lược, lập dự toán hoạt động; phân tích báo cáo hoạt động và phương pháp đo lường, đánh giá hoạt động kinh doanh trong kiểm soát quản lý.

Sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức vào quản lý hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp. Học phần rèn luyện cho sinh viên khả năng nhận diện được sự thay đổi và thích ứng được trong các môi trường kinh doanh.

Sau khi học xong học phần sinh viên có thái độ tích cực cập nhật, nghiên cứu kiến thức mới để áp dụng hiệu quả trong lĩnh vực chuyên môn.

9.49. Phân tích báo cáo tài chính

Mã học phần: *AA6032*

Số tín chỉ: 3(2; 1; 0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Phân tích báo cáo tài chính cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Tiến trình phân tích doanh nghiệp, các phương pháp phân tích báo cáo tài chính; Phân tích khái quát các báo cáo tài chính; phân tích khả năng thanh toán, phân tích cơ cấu vốn và rủi ro tài chính; phân tích hiệu quả kinh doanh trong doanh nghiệp. Học phần còn giúp sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức để trình bày, phân tích, cung cấp thông tin về tình hình tài chính để hỗ trợ ra quyết định cho các đối tượng sử dụng thông tin; Nhận diện được các sai sót, gian lận thông qua việc phân tích các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính doanh nghiệp.

Học phần còn rèn luyện sinh viên các kỹ năng tính toán và lập bảng phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp, lựa chọn linh hoạt các công cụ, kỹ thuật, phương pháp phân tích báo cáo tài chính. Đồng thời thông qua học phần này, sinh viên còn có tinh thần hợp tác làm việc nhóm, tăng khả năng làm việc nhóm hiệu quả.

Học phần còn giúp sinh viên có thái độ nghiêm túc, chủ động và phát huy tính sáng tạo trong quá trình học tập và làm việc.

9.50. Kế toán định giá doanh nghiệp

Mã học phần: *AA6010*

Số tín chỉ: 3(2; 1; 0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Kế toán định giá doanh nghiệp cung cấp những nội dung cơ bản liên quan tới giá trị doanh nghiệp, kế toán định giá doanh nghiệp. Qua đó, người học có thể vận dụng linh hoạt các kiến thức kế toán, phân tích tài chính doanh nghiệp để xác định giá trị doanh nghiệp và đồng thời có thể phân tích được vai trò, trách nhiệm của người làm kế toán, kiểm toán trong định giá.

Học phần rèn luyện cho sinh viên kỹ năng thu thập, xử lý, cung cấp thông tin kế toán để thẩm định giá trị doanh nghiệp.

Học phần còn giúp sinh viên có thái độ trung thực và tuân thủ, tôn trọng các quy định pháp luật về chuẩn mực kế toán, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong kiểm toán, có trách nhiệm và đáng tin cậy trong công việc.

9.51. Kiểm toán hệ thống thông tin

Mã học phần: AA6046

Số tín chỉ: 3(3; 0; 0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần kiểm toán hệ thống thông tin cung cấp những kiến thức cơ bản về kiểm toán hệ thống thông tin, kỹ thuật kiểm toán có sự trợ giúp của máy tính, quy trình kiểm toán hệ thống thông tin, kiểm toán kiểm soát ứng dụng và kiểm toán an ninh mạng.

Sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức vào nhận định, phân tích, đánh giá rủi ro ảnh hưởng đến hệ thống thông tin, thực hiện kiểm toán và đưa ra ý kiến kiểm toán. Học phần rèn luyện cho sinh viên khả năng phân tích và trình bày dữ liệu kiểm toán khi có sự trợ giúp của máy tính.

Sau khi học xong học phần sinh viên có thái độ tuân thủ các qui định và chuẩn mực nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kiểm toán hệ thống thông tin.

9.52. Báo cáo tài chính quốc tế (F7 - Financial Reporting (ACCA)

Mã học phần: AA6001

Số tín chỉ: 3(3; 0; 0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

The students are provided the regulatory framwork to record and present financial accounting in IFRSs. Therefore, the students apply IFRSs to measure and record financial transactions in entities and groups. The students make basic techniques to prepare and present financial reporting in IFRSs. The students deal with professional situations to prepare and present financial reporting in entities. The students able to respond to working international enviroment through deal with financial situations in entities.

9.53. Kế toán quản trị 2 (F5 - Performance Management (ACCA)

Mã học phần: AA6069

Số tín chỉ: 3(3; 0; 0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Kế toán quản trị 2 (F5 - Performance Management) cung cấp cho sinh viên kiến thức kế toán quản trị để phân tích được hệ thống kế toán trong doanh nghiệp, cụ thể là cách thức quản lý doanh nghiệp hiệu quả bao gồm: Các kiến thức về kế toán quản trị trong việc đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp; Các kỹ thuật kế toán quản trị; Các kỹ thuật ra quyết định liên quan đến nguồn lực khan hiếm, định giá và quyết định sản xuất hay mua ngoài, các rủi ro và điều bất định trong việc ra quyết định; Lập ngân sách và kiểm soát biến động về dự toán và định mức chi phí; Các chỉ tiêu đánh giá và kiểm soát hiệu quả kinh doanh.

Học phần giúp sinh viên có khả năng thích ứng với môi trường làm việc quốc tế và thích ứng với sự thay đổi của môi trường kinh doanh trong các doanh nghiệp.

Học phần còn giúp sinh viên có thái độ tích cực, chủ động, linh hoạt thích ứng với những thay đổi của môi trường kinh doanh cũng như môi trường tổ chức của mỗi doanh nghiệp.

9.54. Thực tập doanh nghiệp

Mã học phần: AA6047

Số tín chỉ: 6(0; 0; 6)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Thực tập doanh nghiệp giúp sinh viên áp dụng kiến thức chuyên ngành kiểm toán đã được học vào thực tế doanh nghiệp. Sinh viên được hướng dẫn phương pháp tiếp cận và đánh giá được quy trình lập kế hoạch kiểm toán, thực hiện quy tình kiểm toán; Thông qua đợt thực tập sinh viên vận dụng linh hoạt kiến thức kế toán, tài chính, kiểm toán, kiểm soát nội bộ trong các đơn vị với các tình huống đa dạng tại doanh nghiệp; Vận dụng được các kiến thức Công nghệ thông tin, phần mềm chuyên dùng trong nghiên cứu để triển khai công việc kiểm toán. Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên thành thạo trong các công việc của một chuyên viên kiểm toán, sinh viên giao tiếp được thành thạo bằng ngôn ngữ văn bản và làm việc nhóm một cách hiệu quả. Sinh viên có khả năng giao tiếp tốt, diễn đạt rõ ràng, thuyết phục ý kiến cá nhân liên quan đến công việc chuyên môn; Vận hành công việc độc lập, sáng tạo, linh hoạt trong xử lý các công việc chuyên môn; kỹ năng thiết lập và quản lý tài liệu khoa học. Sinh viên tuân thủ tốt các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kiểm toán, có ý thức tôn trọng nội quy, quy định của tổ chức, có khả năng thích ứng cao trong công việc và độc lập, hình thành ý thức tự học tập và rèn luyện suốt đời, sáng tạo trong nghiên cứu kiến thức chuyên ngành.Triển khai quy trình kế toán trong doanh nghiệp/tổ chức.

9.55. Khóa luận tốt nghiệp

Mã học phần: AA6048

Số tín chỉ: 9(0; 0; 9)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Khóa luận tốt nghiệp có năng lực nhận diện, phát hiện những vấn đề còn có những bất cập, tồn tại trong lĩnh vực kiểm toán; Thông qua đợt thực tập sinh viên vận dụng linh hoạt kiến thức kế toán, tài chính, kiểm toán, kiểm soát nội bộ trong các đơn vị với các tình huống đa dạng tại doanh nghiệp; Vận dụng được các kiến thức Công nghệ thông tin, phần mềm chuyên dùng trong nghiên cứu để triển khai công việc kiểm toán. Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên Liên hệ giữa lý thuyết và thực tế của doanh nghiệp thông qua khảo sát tại đơn vị thực tập; Giao tiếp tốt, diễn đạt rõ ràng, thuyết phục ý kiến cá nhân liên quan đến công việc chuyên môn ; Độc lập, sáng tạo, linh hoạt trong xử lý các công việc chuyên môn; Cập nhật những lý thuyết, quy định mới nhất trong lĩnh vực kiểm toán và các vấn đề liên quan; Nhận diện, đánh giá được những ưu điểm, tồn tại và đề xuất/khuyến nghị các biện pháp hoàn thiện theo chủ đề nghiên cứu.

10. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo được đối sánh với chương trình đào tạo của các Trường Đại học khác cùng ngành làm cơ sở đánh giá, cải tiến, phát triển chương trình như Trường Đại học Kinh tế- Đại học Đà năng (Triển khai theo Hướng dẫn số 01/HD-ĐHCN ngày 01/1/2020 của Hiệu trưởng Trường ĐHCNHN)

Kết quả cho thấy các chương trình của các Trường Đại học trong nước được so sánh cùng ngành có số tín chỉ cho nhóm kiến thức tương đương phù hợp với yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo là phù hợp theo định hướng ứng dụng. Điều này phụ thuộc vào cách tiếp cận khi xây dựng chương trình.

11. PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Bản mô tả chương trình này đã được kiểm tra, phê duyệt và ban hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội./.

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2021

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

Phạm Văn Bổng

PHỤ LỤC: TÀI LIỆU THAM KHẢO XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

I. Các văn bản pháp lý

- Hướng dẫn đánh giá chương trình theo AUN – QA, phiên bản 3.0 2015;

- Hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của BGD&ĐT 2016;

- Luật giáo dục đại học số 08/2012/QH13;

- Quyết định 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18 tháng 09 năm 2008 về Ban hành chương trình các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối ngành không chuyên;

- Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT, ngày 10 tháng 10 năm 2017, Ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

- Căn cứ Quyết định số 687/QĐ-ĐHCN ngày 01 tháng 06 năm 2016 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Hà Nội về việc phê duyệt Đề án: Xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình đào tạo trình độ Đại học của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội theo mô hình CDIO;

- Căn cứ Quyết định số 259/QĐ-ĐHCN ngày 20 tháng 3 năm 2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Hà Nội về việc mở rộng phạm vi áp dụng Đề án: Xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình đào tạo trình độ Đại học của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội theo mô hình CDIO;

- Căn cứ Quy định kèm theo Quyết định số 351/QĐ-ĐHCN ngày 06 tháng 4 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

II. Khung chương trình các trường đại học khác:

- Trường Đại học Kinh tế-Đại học Đà Nẵng; Ngành Kiểm toán.;

- Hiệp hội Kế toán công chứng Anh ACCA